TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **1656**/2019/DSST.
Ngày: 18/11/2019.
V/v "Tranh chấp tài sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Hễ.
2. Bà Lê Thị Nhanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sư sơ thẩm thụ lý số 435/2007/DSST ngày 21 tháng 06 năm 2007 về việc: "Tranh chấp tài sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4801/2019/QĐXX-ST ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 9121/2019/QĐHPT-ST ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dư MA - Sinh 1964
Địa chỉ: 122/31 Đường B, phường B, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Dư MT - Sinh 1965
Địa chỉ: 161/32/6 Đường T, phường B, quận B, Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Trương LC – Sinh 1959
2. Ông Dư IH – Sinh 1980
3. Ông Dư IT – Sinh 1982
4. Bà Dư TH – Sinh 1978
5. Bà Dư TP – Sinh 1985
6. Bà Dư TC – Sinh 1988

Cùng địa chỉ: 203/44A Đường L, Phường 3, Quận T, TP.H
Có ông Dư IT là đại diện theo giấy ủy quyền ngày 14/10/2008.
7. Bà Dư AM – Sinh 1967
Địa chỉ: 134/36 Đường L, Phường 3, Quận T, TP.H
Có ông Châu TC – sinh năm 1966 đại diện theo giấy ủy quyền ngày 06/10/2008.
Địa chỉ: 565/18/6 Đường B, Phường 10, Quận T, TP.H.

8. Bà Dư TG – Sinh 1959

Địa chỉ: 41 Millennium DR , Ontariob M6M 5K5 C.

9. Ông Nguyễn VQ – Sinh 1970, Bà Ngô TL – Sinh 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 116 Đường T, Phường 15, Quận F, TP.H.

Phiên tòa có mặt nguyên đơn bà Dư MA, ông Dư IT và ông Châu TC. Bị đơn ông Dư MT văng mặt, những người còn lại có đơn xin văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dư MA trình bày yêu cầu khởi kiện:

Cha bà là ông Đỗ TD, mẹ bà là bà Dư XL khi còn sống tạo lập được căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H. Cha mẹ bà có các người con gồm : Dư TM, Dư TE (Ông TE mất năm 2002 có vợ và các con là thừa kế thế vị gồm: Dư IT, Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, và vợ là Trương LC), Dư TG, Dư MT, Dư MA, Dư AM.

Năm 2000 cha bà ông Đỗ TD qua đời (không để lại di chúc), thời điểm này mẹ bà và em bà là ông Dư MT ở tại căn nhà trên. Năm 2003 UBND quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Dư XL, bà XL cùng với các anh chị em bà là ông Dư MT và bà Dư TM tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế căn nhà trên mà không thông báo cho các anh chị em bà biết. Ngày 05/01/2004 mẹ bà đã làm hợp đồng tặng cho toàn bộ tài sản trên cho em bà là ông Dư MT mà không hỏi ý kiến hay có sự đồng thuận nào của anh chị em bà.

Việc cha bà qua đời không để lại di chúc nên phần di sản của cha bà để lại là tài sản chung của các anh chị em bà. Việc mẹ bà là bà XL, chị bà là bà Muối và em bà là ông MT tự ý khai nhận di sản này, sau đó lập hợp đồng tặng cho toàn bộ tài sản trên cho ông MT là vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho bà và các đồng thừa kế.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của mình và các đồng thừa kế, bà khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Hủy một phần hợp đồng tặng cho Số 00090/HĐ-TCN ngày 05/01/2004 được công chứng chứng thực tại Phòng công chứng số 02 Thành phố Hồ Chí Minh về việc bà XL, bà Muối cho ông MT toàn bộ tài sản là căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H

- Yêu cầu chia di sản của cha bà để lại là một phần căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H bằng giá trị cho các anh em bà là Dư TM (Bà Muối mất năm 2016 không có ai thừa kế thế vị), Dư TE (Ông TE mất năm 2002 có vợ và các con là thừa kế thế vị gồm: Dư IT, Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, và vợ là Trương LC), Dư TG, Dư MT, Dư MA, Dư AM và một phần cho mẹ bà là bà Dư XL theo biên bản định giá tài sản được lập ngày 03/8/2017.

Bà xác định không yêu cầu định giá tài sản lại mà vẫn giữ nguyên giá là

3.207.752.320 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 03/8/2017.

Về yêu cầu luật sư, Tôi không yêu cầu luật sư tham gia phiên tòa sơ thẩm và tôi sẽ tự bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Bị đơn ông Dư MT vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 17/9/2007 ông MT trình bày:

Ông xác định gia đình có các anh chị em như bà MA trình bày.

Lúc cha mẹ ông là ông Diệu, bà XL còn sống đã thống nhất với các anh chị em ông là sau khi cha mẹ chết sẽ giao toàn bộ tài sản nhà cửa cho ông. Sau khi cha ông mất, ngày 05/01/2004 mẹ ông đã làm Hợp đồng tặng cho ông căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông không chấp nhận việc yêu cầu của các anh chị em ông vì căn nhà này mẹ ông đã làm hợp đồng tặng cho nên ông được toàn quyền sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dư AM có ông Châu TC đại diện theo ủy quyền: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dư IT đại diện cho Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, và bà Trương LC trình bày: Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dư TG không tranh chấp tài sản của cha mẹ để lại và bản thân bà cũng đồng ý trao tài sản lại cho ông Dư MT.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VQ và bà Ngô TL có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà TL ông VQ xác nhận đã mua căn nhà trên theo quy định pháp luật nên không có ý kiến gì về việc tranh chấp giữa các bên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không MT.

Tại phiên toà sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, hòa giải, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và chia di sản thừa kế. Xét căn nhà tọa lạc tại Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh và người liên quan là Dư TG có địa chỉ: 41 Millennium DR Northyork, Ontariob M6M 5K5 Canada. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, Khoản 9 Điều 27, Khoản 3 Điều 35, Điểm a, b Khoản 1 Điều 37 và Điểm a Khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H do cụ Đỗ TD (chết năm 2000). Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu để mở thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế.

[3] Về hình thức đơn khởi kiện: Đơn kiện của nguyên đơn phù hợp với hình thức đơn kiện tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí. Việc ủy quyền của các bên là hợp lệ theo Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về sự có mặt của các đương sự: Xét thấy Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp đối với bà Dư TG. Bị đơn là ông Dư MT đã được Tòa án tống đạt hợp lệ về thời gian, địa điểm xét xử vụ án theo quy định nhưng ông MT không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VQ và bà Ngô TL có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho số 00090/HĐ-TCN ngày 05/01/2004 được công chứng chứng thực tại Phòng công chứng số 02 Thành phố Hồ Chí Minh và chia di sản của ông Đỗ TD để lại là một phần căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H cho các anh em. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện. Đây là vấn đề cần xem xét.

[4.1] *Về di sản thừa kế*: Xét thấy căn cứ vào lời khai của đương sự cùng tài liệu có trong hồ sơ thì: Cụ Đỗ TD và cụ Dư XL khi còn sống tạo lập căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H được Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp giấy chứng nhận số 2691/2003 ngày 07/11/2003.

[4.2] *Về hàng thừa kế*: Căn cứ lời khai các đương sự thì các đồng thừa kế của Cụ TD và cụ XL gồm: Dư TM (Bà Muối mất năm 2016 không có ai thừa kế

thế vị), Dư TE (Ông TE mất năm 2002 có vợ và các con là thừa kế thế vị gồm: Dư IT, Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, và vợ là Trương LC), Dư TG, Dư MT, Dư MA, Dư AM.

[4.3] *Xét tính hợp pháp của hợp đồng tặng cho*: Năm 2000 Cụ TD qua đời không để lại di chúc, ngày 05/01/2004 cụ XL lập hợp đồng tặng cho số 00090/HĐ-TCN ngày 05/01/2004 tại Phòng công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh cho toàn bộ căn nhà nói trên cho ông Dư MT. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản hỏi Phòng công chứng số 2 về hồ sơ lập hợp đồng tặng cho nói trên. Phòng công chứng số 2 đã có Văn bản số 359/CC 2 ngày 16/9/2019 trả lời như sau : *¾Hồ sơ không có văn bản khước từ di sản thừa kế. Tuy nhiên, trong các giấy tờ chứng minh quyền sở hửu nh, bà Dư XL có xuất trình Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 16/11/2003 tại mục 5*: *Những người thừa kế di sản của ông Đỗ TD, chết 2000, gồm cha, mẹ ông Diệu chết trước ông Diệu, vợ là bà Dư XL, con là ông Dư MT và bà Dư TM¿*. Việc cụ Dư XL khai di sản thừa kế ngày 16/11/2003 chỉ có ông MT, bà Muối là còn thiếu các đồng thừa kế, sau khi Cụ TD qua đời lại đem phần thừa kế của Cụ TD tặng cho ông Dư MT mà thiếu ý kiến của các con Dư TG, Dư MA, Dư AM và đồng thừa kế của ông Dư TE là không đúng. Do đó, căn cứ Điều 131, Điều 136 Bộ luật dân sự 1995 thì hợp đồng tặng cho là nói trên là vô hiệu. Tuy nhiên, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho là phần của ông Đỗ TD, yêu cầu chia phần thừa kế của Cụ TD thành 7 phần bằng nhau gồm: cụ Dư XL, và 4 người con còn sống Dư TG, Dư MT, Dư MA, Dư AM và đồng thừa kế của ông Dư TE, yêu cầu chia giá trị nhà mà không yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà ở giữa ông Dư MT và ông Nguyễn VQ, bà Ngô TL. Căn cứ, Điều 678, Điều 679, Điều 680 Bộ luật Dân sự 1995, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.4] Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 03/8/2017 giá trị nhà và đất nêu trên là 3.207.752.320 đồng thì phần di sản thừa kế của cụ Đỗ TD là 1.603.876.160 đồng, trong đó, bà Dư TM đã qua đời không chồng con nên phần bà Muối được hưởng của ông Diệu được chia cho các anh em. Như vậy, các ông bà Dư MA, Dư TG, Dư MT, Dư AM bà Dư XL và đồng thừa kế của ông Dư TE được hưởng 1/6 của số tiền 1.603.876.160 đồng.

[4.4] Ghi nhận ý kiến của bà Dư TG cho ông MT suất thừa kế của bà Phụng được hưởng.

[4.5] Ghi nhận sự tự nguyên của cụ Dư XL cho suất thừa kế của cụ XL được hưởng cho ông MT thông qua hợp đồng tặng cho nói trên.

[4.6] Ông Dư MT có trách nhiệm thanh toán cho bà Dư MA, Dư AM và các đồng thừa kế của ông Dư HT, mỗi người là 267.312.693 (Hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm mười hai ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng.

[4.7] Do căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H đã được chuyển nhượng căn nhà cho ông Nguyễn VQ và bà Ngô TL và các đương sự trong vụ án không yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng này nên ông MT có trách nhiệm thanh toán giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế nêu trên.

[4.8] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu chi phí định giá, chi phí ủy thác tư pháp.

[6] *Về án phí*: Bà Dư MA, bà Dư AM mỗi người phải chịu án phí là 5.509.690 đồng; Các đồng thừa kế của ông Dư HT là Dư IT, Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, Trương LC phải chịu án phí là 5.509.690 đồng, ông Dư MT phải chịu án phí là 14.702.907 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 38, Điều 228, Điều 235, Điều 237, Điều 264, Điều 266, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 131, Điều 136, Điều 678, Điều 679, Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Dư MA

2. Hủy một phần hợp đồng tặng cho Số 00090/HĐ-TCN ngày 05/01/2004 được công chứng chứng thực tại Phòng công chứng số 02 Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Xác định di sản của ông Đỗ TD là ½ căn nhà 161B/70 đường L, phường 3, quận T, Thành phố H.

4. Xác định các đồng thừa kế của ông Đỗ TD là bà Dư XL, Dư TG, Dư TM, Dư MT, Dư MA, Dư AM, và đồng thừa kế của ông Dư TE.

5. Ghi nhận ý kiến của bà Dư TG cho suất thừa kế mà bà Phụng được hưởng từ ông Đỗ TD cho ông Dư MT.

6. Buộc ông Dư MT có trách nhiệm thanh toán cho bà Dư MA, Dư AM và đồng thừa kế của ông Dư TE mỗi suất thừa kế là 267.312.693 (Hai trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm mười hai ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng. (Các đồng thừa kế của ông Dư TE là ông bà Dư IT, Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, Trương LC). Tổng số tiền ông MT phải thanh toán là 801.938.079 đồng(tám trăm lẻ một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn không trăm bảy mươi chín đồng)

7. Ghi nhận ý kiến của bà Dư MA, bà Dư AM và các đồng thừa kế của ông Dư TE. (Dư IT, Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, Trương LC) không yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà ở được lập ngày 26/01/2006 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Dư MT và ông bà Nguyễn VQ ,Ngô TL

8. *Về án phí sơ thẩm*:

8.1 Ông Dư MT phải chịu án phí là 14.702.907 (Mười bốn triệu bảy trăm lẻ hai ngàn chín trăm lẻ bảy) đồng.

8.2 Bà Dư MA phải chịu án phí là 5.509.690 (Năm triệu năm trăm lẻ chín

ngàn sáu trăm chín mươi) đồng, cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Dư MA đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002123 ngày 04/6/2007 số tiền là 5.400.600 (Năm triệu bốn trăm ngàn sáu trăm) đồng và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0024574 ngày 25/9/2019 số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà Dư MA còn được nhận lại số tiền là 190.910 (Một trăm chín mươi ngàn chín trăm mười) đồng.

8.3 Bà Dư AM phải chịu án phí là 5.509.690 (Năm triệu năm trăm lẻ chín ngàn sáu trăm chín mươi) đồng;

8.4 Các đồng thừa kế của ông Dư HT là Dư IT, Dư IH, Dư TH, Dư TP, Dư TC, Trương LC phải chịu án phí là 5.509.690 (Năm triệu năm trăm lẻ chín ngàn sáu trăm chín mươi) đồng;

Thi hành ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8.5.] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu chi phí định giá, chi phí ủy thác tư pháp.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thùy Dung